TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 / 6 /2022
V/v: "Kiện xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Đức Bản

2. Ông Nguyễn Công Lý

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2021 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/ QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H; sinh năm 1981;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Xuân H; sinh năm 1982;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/11/2021, được bổ sung tại bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Xuân H đăng ký kết hôn hợp pháp tại Uỷ ban nhân dân xã Quảng S, thị xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 24/01/2005, kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị về sống chung tại Thôn P, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Trong cuộc sống, vợ chồng luôn xảy ra bất đồng về quan điểm, lối sống, mâu thuẫn nặng nề vì không ai yêu thương ai, vợ chồng suốt ngày cãi vã. Hai bên không hợp nhau cả về tư tưởng

quan điểm và cách sống. Anh H tính tình gia trưởng bảo thủ nóng nảy. Mặc dù anh H làm nghề lái xe đường dài cũng có thu nhập nhưng Anh H không chịu cùng vợ nuôi con cũng như lo cho cuộc sống gia đình chung. Mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do chị H lo liệu, chi trả. Anh không quan tâm gì đến vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Đến nay chị H không còn tình cảm với chồng nữa vì anh H không yêu thương, quan tâm mẹ con chị. Trước đây chị cũng đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến giờ thì anh H không thay đổi luôn thờ ơ để mặc không quan tâm gia đình, vợ con. Vì vậy, nguyện vọng của chị là xin được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống, công việc và nuôi con.

Về con chung: Chị H thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Trần Xuân H, sinh ngày 04/7/2005 và cháu Phạm Trần Xuân N, sinh ngày 30/8/2010. Hiện hai con đang sống cùng ba mẹ. Nguyện vọng của chị H sau khi ly hôn muốn được nuôi hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con chung. Hai cháu Phạm Trần Xuân H và Phạm Trần Xuân N đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ H nếu ba mẹ ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung để vợ chồng chị tự thỏa thuận.

*Về bị đơn anh H:

Mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh H vẫn cố tình không đến Toà án theo giấy triệu tập nên không có bản tự khai.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, gửi giấy triệu tập cho các bên đương sự, tiến hành hai phiên hòa giải. Anh H không đến Tòa án làm bản tự khai, đến làm việc theo các giấy triệu tập phiên hòa giải của Tòa án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Toà án đã lập biên bản về việc không tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng trực tiếp được vì anh H thường xuyên vắng nhà; có xác nhận của Trưởng thôn P, xã N, đồng thời thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng cần tống đạt. Bị đơn anh H không đến tham gia phiên hòa giải theo giấy triệu tập nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn. Về con chung chị H vẫn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dạy hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con vì chị cho rằng từ khi sinh con đến nay thì anh H không hề đưa tiền cho chị H nuôi con. Tiền anh H làm ra đều phục vụ riêng bản thân anh H, không phụ giúp cùng chị H nuôi con. Mặt khác thực tế hiện nay anh H vẫn không tu chí làm ăn, mặc dù biết vợ làm đơn xin ly hôn nhưng anh H vẫn xin tiền chị H để anh chi tiêu. Do đó chị H thấy rằng việc yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hiện nay là không thực hiện được do đó chị không yêu cầu. Sau này, khi anh H có điều kiện hơn thì chị H sẽ yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác. Chị khai thu nhập trung bình tháng của chị ổn định khoảng 10 triệu đồng

nên đủ khả năng nuôi con. Về tài sản vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, HTND đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào quá trình giải quyết vụ án, tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phạm Xuân H. Chị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phạm Trần Xuân H, sinh ngày 04/7/2005 và cháu Phạm Trần Xuân N, sinh ngày 30/8/2010. Anh H chưa phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; là nơi bị đơn anh Phạm Xuân H có đăng ký nhân khẩu thường trú: xã Đức N thành phố Đồng Hới. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án, thông báo về phiên hòa giải, tiếp cận chứng cứ. Anh H không đến làm việc theo các giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Bị đơn anh H không đến tham gia phiên hòa giải theo giấy triệu tập nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và đã nhận được Văn bản số 750/CAĐH- QLHC ngày 15/3/2022 của Công an thành phố Đồng Hới xác nhận: Công dân Phạm Xuân H, sinh ngày 28/3/1982 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình từ ngày 10/7/2015 đến nay và chưa cắt chuyển hộ khẩu đi đâu; Số hồ sơ hộ khẩu: 18898-001870; chủ hộ là Phạm Xuân H; hiện nay Phạm Xuân H không có mặt tại địa phương. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định. Ngày 24/5/2022 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhưng bị đơn anh H vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ nhất. Do đó, HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/ QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2022 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 23/6/2022 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 mặc dù đã được

triệu tập hợp lệ. Bị đơn anh H đều vắng mặt trong quá trình hòa giải và xét xử vụ án, tức là bị đơn cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 68, 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Xuân H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp; anh chị đã có thời gian khá dài chung sống; lẽ ra anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn trọng, tin tưởng nhau cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại anh chị không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, cuộc sống chung vợ chồng trong nhiều năm gần đây luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng trong cách sống, cách xử sự với nhau, thiếu tin tưởng nhau, từ đó vợ chồng có những lời nói và hành động tổn thương đến tình cảm vợ chồng. Không ai quan tâm đến ai, thiếu bàn bạc thống nhất vợ chồng, tình cảm vợ chồng mất mát dần. Mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài từ nhiều năm nay nhưng hai bên không thể khắc phục và ngày càng căng thẳng do không tìm được tiếng nói chung; đã nhiều năm nay vợ chồng sống ly thân không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng trong thực tế đời sống. Đến nay chị H không còn tình cảm với chồng nữa vì anh H không yêu thương mẹ con chị. Trước đây chị cũng đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến giờ thì anh H không thay đổi luôn thờ ơ để mặc không quan tâm gia đình, vợ con.

Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn, anh H biết rõ vụ kiện nhưng cũng không có ý gì muốn níu kéo hôn nhân mà thờ ơ để mặc, anh cũng không mong muốn được Tòa án hòa giải, thể hiện ở việc anh không đến tham gia các phiên họp, làm việc, hòa giải mà Tòa án triệu tập. Tại bản trình bày của cháu Phạm Trần Xuân H và cháu Phạm Trần Xuân N có nội dung "chúng cháu biết ba mẹ cháu có làm đơn ly hôn với nhau và cháu cũng thấy ba mẹ cháu đều nhận được giấy triệu tập của Toà án, mỗi lần nhận được giấy ba cháu đều nói kệ, cứ để cho Toà án tự giải quyết". Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho chị H được ly hôn anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Chị Hằng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Trần Xuân H, sinh ngày 04/7/2005 và cháu Phạm Trần Xuân N, sinh ngày 30/8/2010. Hiện hai con đang sống cùng ba mẹ. Nguyện vọng của chị H sau khi ly hôn muốn được nuôi hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Tại Đơn trình bày của hai cháu Phạm Trần Xuân H và cháu Phạm Trần

Xuân N đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ H nếu ba mẹ ly hôn. Xét nguyện vọng của chị H muốn trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chính đáng và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Xuân H và Xuân N. Chị H có đủ điều kiện để nuôi con, hơn nữa anh H cũng biết rõ vụ kiện nhưng cũng không có ý gì muốn níu kéo hôn nhân mà thờ ơ để mặc, anh cũng không mong muốn được Tòa án hòa giải, không trình bày nguyện vọng của mình về con chung. Căn cứ hoàn cảnh thực tế hai cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Phạm Trần Xuân H, sinh ngày 04/7/2005 và cháu Phạm Trần Xuân N, sinh ngày 30/8/2010 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Trần Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung, để vợ chồng chị tự thỏa thuận. Vì vây, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0001062 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Xuân H.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung cháu Phạm Trần Xuân H, sinh ngày 04/7/2005 và cháu Phạm Trần Xuân N, sinh ngày 30/8/2010 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước. Số tiền chị Trần Thị H phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Trần Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai số 31AA/2021/0001062 ngày 14 tháng 12 năm 2021.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/6/2022); bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- UBND xã Quảng S, T.x Đ, tỉnh QB;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa